

Một số vấn đề cơ bản về kĩ năng làm việc hợp tác

Nguyễn Trung Kiên

Trưởng Cao đẳng Sư phạm Nam Định
813 đường Trường Chinh, thành phố Nam Định,
tỉnh Nam Định, Việt Nam
Email: trungkien.scl@gmail.com

TÓM TẮT: *Kĩ năng làm việc hợp tác là một trong những kĩ năng quan trọng trong thời đại hiện nay, giúp mỗi người có thể hòa nhập cộng đồng xã hội, để tiến bộ, thành công trong cuộc sống và nghề nghiệp tương lai, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp cho toàn xã hội. Bài viết trình bày những vấn đề cơ bản nhất của kĩ năng làm việc hợp tác, gồm: Khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, cơ chế hình thành, mức độ, từ đó giúp các giáo viên có định hướng ứng dụng vào dạy học theo hướng phát triển kĩ năng làm việc hợp tác, đáp ứng được yêu cầu về hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực người học hiện nay.*

TỪ KHÓA: Hợp tác; kĩ năng hợp tác; làm việc hợp tác; kĩ năng làm việc hợp tác.

→ Nhận bài 20/12/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 10/01/2019 → Duyệt đăng 25/01/2019.

1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong kỉ nguyên của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đang đặt ra nhu cầu tất yếu về sự hợp tác để phát triển giữa các cá nhân, các công ty, các quốc gia trên toàn thế giới. Ngay từ cuối thế kỉ XX, UNESCO đã đưa ra bốn trụ cột của giáo dục là: “Học để biết - Học để làm - Học để tự khẳng định mình - Học để chung sống”, trong đó “Học để chung sống” là học cách để làm việc hợp tác (LVHT) sẽ giúp mỗi người có thể hòa nhập cộng đồng xã hội, để tiến bộ, thành công trong cuộc sống và nghề nghiệp tương lai, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp cho toàn xã hội.

Tại Việt Nam, sau khi hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, nhiều hoạt động đào tạo, giáo dục đã đã được đổi mới mạnh mẽ theo hướng “phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học;... tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kĩ năng, phát triển năng lực” [1].

Tại các nhà trường hiện nay, các chương trình học tập đã hướng đến dành nhiều thời gian cho học sinh (HS), sinh viên (SV) tự học và làm việc theo nhóm, phải chung sức với nhau hoàn thành các nhiệm vụ học tập và những nhiệm vụ này sẽ được thực hiện rất hiệu quả nếu HS, SV có kĩ năng LVHT. Kĩ năng LVHT còn tác động lâu dài tới sự phát triển nghề nghiệp của họ, bởi các tác động giá trị xã hội đương đại như kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật và thông tin phát triển nhanh chóng, phức tạp đang đòi hỏi một nhu cầu cấp thiết con người thời hiện đại phải có những kĩ năng LVHT. Để đáp ứng được những yêu cầu ấy, nền giáo dục Việt Nam cần phải quan tâm nâng cao những kĩ năng toàn diện cho HS, SV, đặc biệt là kĩ năng LVHT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm kĩ năng làm việc hợp tác

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về kĩ năng

và đưa ra nhiều quan điểm, khái niệm khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh và mục đích xem xét các kĩ năng đó. Theo Kruchexky.V.A. định nghĩa: “Kĩ năng là các phương thức hoạt động những cái gì con người đã nắm vững”, ông cho rằng, khi nắm vững phương thức hành động là con người đã có kĩ năng, không cần bàn đến kết quả của hành động [2]. Platonop cũng khẳng định: “Cơ sở tâm lí của kĩ năng là sự thấu hiểu mối liên hệ giữa mục đích và hành động, các điều kiện và phương thức hành động” [3]. Từ điển bách khoa Việt Nam đưa ra khái niệm “Hợp tác là cùng chung sức, giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó, nhằm một mục đích chung” [4]. Theo từ điển Tâm lí học (2008): “Hợp tác là hai hay nhiều bộ phận trong một nhóm cùng làm việc theo cùng một cách thức để tạo ra một kết quả chung” [5].

Trên cơ sở phân tích các khái niệm kĩ năng, hợp tác và kế thừa những nội dung nghiên cứu trước đây, chúng tôi cho rằng: *Kĩ năng làm việc hợp tác là những hành động, kĩ thuật được thực hiện tự nguyện, bình đẳng trong quá trình phối hợp với người khác trên cơ sở vận dụng những tri thức, cách thức hành động một cách đúng đắn, linh hoạt, mềm dẻo để đạt được kết quả chung.*

Quá trình phối hợp với người khác được thực hiện ở cả hoạt động trí óc và hoạt động chân tay diễn ra ở mọi mặt trong đời sống của con người: Từ hoạt động học tập, giảng dạy của HS - SV - Giáo viên trong nhà trường, hoạt động lao động của các nhóm công nhân trong nhà máy, xí nghiệp, hoạt động của các nhà nghiên cứu trong phòng thí nghiệm cho đến hoạt động liên kết, cộng tác giữa các công ty, các tổ chức, các quốc gia trên toàn cầu.

Đối với HS, SV có nhiệm vụ chính là học tập trong một môi trường tập thể bình đẳng với nhau. Vì vậy, khi nói đến kĩ năng LVHT của HS, SV thì quan trọng nhất là kĩ năng hợp tác trong học tập.

Kĩ năng hợp tác trong học tập được thể hiện ở tri thức về hoạt động học tập: Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, cách thức tiến hành, những điều kiện, phương tiện môi trường cần thiết cho quá trình hợp tác trong học tập và phải biết vận dụng trong thực tiễn học tập một cách đúng đắn, linh

hoạt, mềm dẻo và có hiệu quả trên tinh thần tích cực, tự nguyện.

Người có kỹ năng hợp tác trong học tập vừa là người hoàn thành tốt nhiệm vụ cá nhân trong nhóm khi được giao, vừa biết phối hợp, chia sẻ, hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm hợp tác. Trong quá trình hợp tác, mỗi người học sẽ tìm thấy lợi ích cho chính mình và cho tất cả các thành viên trong tổ chức (tổ, nhóm, lớp).

2.2. Đặc điểm của kỹ năng làm việc hợp tác

Qua quá trình nghiên cứu sự hình thành và phát triển kỹ năng, đặc điểm của kỹ năng nói chung, chúng tôi cho rằng, kỹ năng LVHT có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, kỹ năng LVHT là một kỹ thuật của thao tác hay hành động nhất định.

Kỹ năng LVHT không tách rời hành động mà được biểu hiện trong hoạt động, hành động của cá nhân qua các thao tác, được hình thành trong quá trình hoạt động cùng với người khác. Kỹ năng LVHT không có đối tượng riêng, đối tượng của kỹ năng LVHT là đối tượng của hoạt động, hành động. Kỹ năng là sự vận dụng các kinh nghiệm, tri thức và các giá trị phù hợp với điều kiện hoạt động để đạt mục đích đề ra, vì vậy kỹ năng LVHT là sản phẩm của hoạt động thực tiễn dần được hoàn thiện và phát triển qua quá trình làm việc với người khác chứ không mang tính bẩm sinh. Kỹ năng LVHT bao giờ cũng xuất phát từ kiến thức về đối tượng tác động và ý thức về sự hợp tác với người khác.

Thứ hai, kỹ năng LVHT có nền tảng cơ bản là sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực của các cá nhân cùng tham gia hoạt động chung.

Kỹ năng LVHT phải có môi trường giống như các kỹ năng khác, phải được thực hiện theo một quy trình với các thao tác một cách hợp lý, biết phân tích, đánh giá những đối tượng hợp tác khác nhau nhằm thực hiện quá trình hợp tác phù hợp. Quá trình đó diễn ra từ lúc tập dượt đến khi làm được, làm thành thạo, làm linh hoạt. Song kỹ năng LVHT có một đặc điểm khác với các kỹ năng khác là phải có sự phụ thuộc tích cực vào môi trường làm việc hợp tác. Nếu một SV có kỹ năng LVHT tốt nhưng người cộng tác với SV này không có thái độ hợp tác, hoặc không có kỹ năng LVHT thì rất khó để kỹ năng LVHT được biểu hiện ra bên ngoài. Sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực tạo nên môi trường để kỹ năng LVHT được phát huy, tạo ra mối liên kết giữa sự thành công chung của nhóm và của cá nhân là đặc điểm cơ bản của kỹ năng LVHT.

Thứ ba, kỹ năng LVHT vừa mang tính ổn định vừa mang tính mềm dẻo, linh hoạt và sáng tạo.

Kỹ năng LVHT là một biểu hiện sự vận dụng của con người trong quá trình phối hợp với người khác, thể hiện khi con người hiểu rõ mục đích của hoạt động, nội dung của hoạt động, phương thức tiến hành hoạt động và hiểu được mình hoạt động với ai, họ có điểm mạnh, điểm yếu, có tính cách như thế nào. Kỹ năng LVHT phải được dựa trên cơ sở của sự vận dụng vốn tri thức và kinh nghiệm nhất định, có nội dung là những quá trình tâm lý, luôn gắn với những hoạt

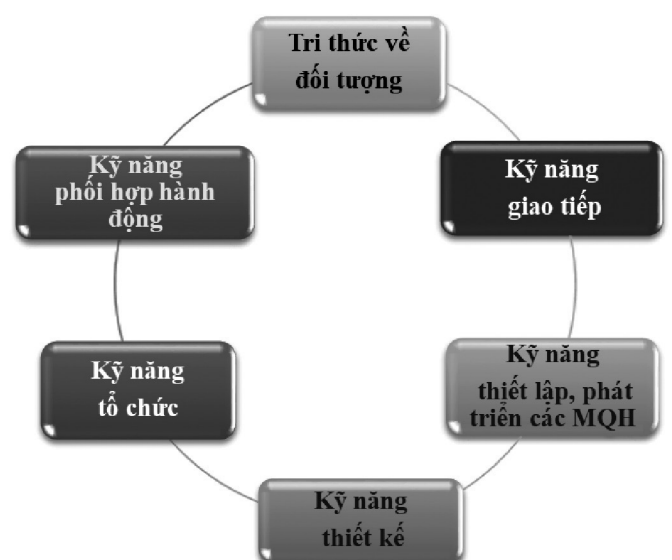
động, hành động cụ thể. Quá trình vận dụng của kỹ năng LVHT phải đem lại hiệu quả cho hoạt động trong những điều kiện khác nhau, phù hợp với từng đối tượng hợp tác khác nhau. Các thuộc tính này là tiêu chí quan trọng để xác định sự hình thành và mức độ phát triển của kỹ năng LVHT.

Thứ tư, cơ chế hình thành kỹ năng LVHT thực chất là cơ chế phối hợp hoạt động, hành động trong các hoạt động nhóm khác nhau.

Mỗi hoạt động, hành động bao giờ cũng có mục đích. Trong quá trình hoạt động nhóm, mục tiêu cao nhất là kết quả chung của cả nhóm. Vì vậy, việc triển khai hành động nhóm luôn gắn liền với việc hình thành kỹ năng LVHT cho từng thành viên trong nhóm. Kết quả cuối cùng của hoạt động nhóm được quy định bởi sự định hướng, điều khiển và điều chỉnh quá trình hình thành và củng cố hành động cùng nhau giữa các thành viên trong nhóm. Quá trình ấy tất yếu tạo nên kỹ năng LVHT, từ xác định mục tiêu, phân chia nội dung công việc, lựa chọn phương pháp thực hiện đều phải ràng buộc với nhau, buộc từng thành viên trong nhóm phải chia sẻ, hỗ trợ, động viên lẫn nhau, đóng góp vai trò cá nhân của mình vào công việc chung của nhóm nếu muốn thành công.

2.3. Cấu trúc của kỹ năng làm việc hợp tác

Kỹ năng LVHT được xem xét trên quan điểm Tâm lý học hoạt động, có mối liên hệ đến nhiều kỹ năng khác cùng tham gia phối hợp. Kỹ năng chứa đựng trong nó cả tri thức về đối tượng, cách thức hành động, mục đích hành động, thao tác hành động và sự đánh giá, điều chỉnh trong quá trình hành động. Với quan niệm đó, chúng tôi cho rằng cấu trúc của kỹ năng LVHT bao gồm tri thức về đối tượng và năm kỹ năng thành phần gồm: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng thiết lập, phát triển các MQH; Kỹ năng thiết kế; Kỹ năng tổ chức; Kỹ năng phối hợp hành động (xem Hình 1).



Hình 1: Cấu trúc của kỹ năng làm việc hợp tác

Tri thức về đối tượng: Đây là thành tố đầu tiên và là cơ sở tiên quyết của kỹ năng LVHT. Nó bao gồm những tri

thức lý luận về đối tượng cần tác động, nhiệm vụ, mục tiêu, quy trình, kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ tác động vào đối tượng (được thể hiện qua nhiệm vụ học tập). Nếu không có tri thức về đối tượng, rất khó để chủ thể có thể có kỹ năng LVHT với người khác về đối tượng ấy.

Kỹ năng giao tiếp: Giao tiếp là hoạt động đặc trưng của LVHT, là cầu nối giữa người nói với người nghe. Kỹ năng giao tiếp đòi hỏi mỗi người phải biết lắng nghe tốt, biết cách thức truyền tải thông điệp và tiếp nhận thông tin trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể.

Kỹ năng thiết lập, phát triển các mối quan hệ: Trong quá trình LVHT của SV, không thể thiếu vai trò của việc tạo dựng mối quan hệ với các thành viên trong nhóm, với các nhóm khác hay với GV. Mối quan hệ này không phải tự nhiên mà có, mà thường phải có mục đích, có hoạch định trên cơ sở nhiệm vụ chung của nhóm làm việc. Trong quá trình LVHT, muốn có được hiệu quả cao, các cá nhân sẽ phải thường xuyên tạo ra không khí tích cực, cùng khích lệ, hỗ trợ nhau phát huy sức mạnh tổng hợp, bên cạnh đó cũng phải phát hiện, hóa giải các xung đột trong sự đa dạng của các khác biệt cá nhân.

Kỹ năng thiết kế: Muốn đảm bảo cho sự thành công của hoạt động LVHT, trên cơ sở những nhiệm vụ chung, phải thiết kế quy trình làm việc của nhóm trong ngắn hạn và dài hạn, tức là sự bao quát toàn bộ hoạt động với những khâu cốt lõi nhất trong quá trình làm việc. Mỗi thành viên đều phải xác định được nhiệm vụ, vai trò của bản thân và của nhóm, phân công công việc phù hợp với nhu cầu, năng lực của cá nhân, tạo bầu không khí thân thiện và cởi mở trước khi bắt đầu công việc. Trong nhóm, thống nhất cách thức thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân và của nhóm, luân phiên đảm nhận các vai trò, nhiệm vụ khác nhau có thể là người điều khiển nhóm, người ghi chép, người báo cáo, người theo dõi hoạt động nhóm.

Kỹ năng tổ chức: Khi đặt ra một nhiệm vụ đòi hỏi phải thực hiện hoạt động LVHT, việc sắp xếp và sử dụng có hiệu quả nguồn lực với thời gian hợp lý có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công việc. Đặc biệt, trong quá trình LVHT, phải lưu ý theo dõi tiến độ công việc của các thành viên trong nhóm để điều hòa, phối hợp, đảm bảo công việc được diễn ra hiệu quả.

Kỹ năng phối hợp hành động: Bản chất của LVHT là sự phối hợp hành động với nhau một cách hiệu quả, vì vậy đây là kỹ năng rất quan trọng khi tiến hành LVHT. Mỗi thành viên đều phải thực hiện được những hoạt động trí lực, sức lực cùng nhau mang tính phối hợp này theo đúng mục tiêu, đúng quy trình, kỹ thuật trong điều kiện thực tế. Sự phối hợp đòi hỏi phải biết rõ công việc của mình và mối quan hệ tương tác giữa mình với các thành viên trong nhóm.

Sáu thành tố của kỹ năng LVHT nói trên có quan hệ biện chứng lẫn nhau, trong đó thành tố đầu tiên, tri thức về đối tượng, cách thức hợp tác mang tính cơ sở cho các nhóm kỹ năng sau đó, và chính nó cũng được phát triển, hoàn thiện dựa vào các nhóm kỹ năng sau. Kỹ năng LVHT được biểu hiện ở những hành động cụ thể. Người ta đánh giá kỹ năng

LVHT của một người đạt mức độ cao hay thấp dựa trên các thành tố thành phần đó.

2.4. Quá trình hình thành và phát triển kỹ năng làm việc hợp tác

Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu về các quan điểm hình thành và phát triển kỹ năng của các tác giả như Crutextski, Levitôp, Platônop, Kixegof, Phạm Minh Hạc, Phạm Tất Dong, Nguyễn Quang Uân, Mạc Văn Trang, Trần Quốc Thành... Mỗi công trình có những quan điểm phân chia theo các giai đoạn khác nhau.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề xuất quá trình hình thành và phát triển kỹ năng LVHT của là quá trình được tổ chức có chương trình, kế hoạch, được triển khai một cách hợp lý, khoa học qua ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Hình thành cho HS, SV các tri thức, hiểu biết cần thiết về đối tượng cần tác động, mục đích, nội dung, quá trình thực hiện, yêu cầu, điều kiện thực hiện hành động, các công cụ, các phương thức, các nguyên tắc thực hiện trong quá trình phối hợp làm việc với HS, SV/nhóm HS, SV khác (HS, SV có biểu tượng, hình dung trước mô hình hành động để đạt mục đích nhiệm vụ).

Giai đoạn 2: Tri giác để HS, SV nắm được các thành tố, cấu trúc và trình tự hợp lý các thao tác - cách thức của nội dung LVHT, từ đó nhận diện được những đặc điểm của quá trình LVHT cũng như cách thức tiến hành LVHT hiệu quả (nắm được bức tranh tổng thể về kỹ năng LVHT, cách phát huy kỹ năng LVHT để thực hiện nhiệm vụ được giao) và thực hành.

Giai đoạn 3: Luyện tập thuần thục đúng yêu cầu, nguyên tắc, kỹ thuật và đạt kết quả như mục tiêu xác định đề tiến tới thành thạo, sáng tạo trong các điều kiện mới. Việc nghiên cứu các giai đoạn hình thành kỹ năng LVHT là cơ sở tạo nên những mức độ kỹ năng LVHT tương ứng.

Ba giai đoạn nói trên là cơ chế để hình thành và phát triển kỹ năng LVHT, cơ chế hình thành hành động LVHT và luyện tập hành động LVHT trong các điều kiện khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu về các giai đoạn hình thành kỹ năng, các nhà tâm lý học đã có sự thống nhất việc phát triển kỹ năng ở trình độ cao, chủ thể phải trải các bước rèn luyện nhất định, kỹ năng còn phụ thuộc vào năng khiếu và đều phải thông qua quá trình luyện tập các thao tác để đạt được đến mức thuần thục và hiệu quả. Cơ sở đánh giá kỹ năng LVHT được thể hiện qua ba tiêu chí sau:

Tình đúng đắn: Có biểu tượng về đối tượng hành động, có tri thức về kỹ năng LVHT, mô tả được đối tượng hành động và đặc điểm, nguyên tắc, cách thức thực hiện hoạt động LVHT.

Tình thành thạo: Đánh giá về mức độ thao tác hành động trong quá trình LVHT ở điều kiện cơ bản.

Tình linh hoạt: Đánh giá về khả năng nhanh nhạy xử trí, ứng phó cho phù hợp với tình hình thực tế, không cứng nhắc về nguyên tắc (thực hiện sáng tạo, hiệu quả).

Ba tiêu chí trên đây có vai trò quan trọng như nhau trong đánh giá kỹ năng LVHT. Ba tiêu chí này cần được gắn liền với ba giai đoạn hình thành và phát triển kỹ năng LVHT đã trình bày ở trên.

2.5. Mức độ kĩ năng làm việc hợp tác

Trên cơ sở đánh giá kĩ năng LVHT đã trình bày, chúng tôi cho rằng mức độ kĩ năng LVHT được đánh giá qua ba tiêu chí tương ứng theo ba mức độ sau (xem Bảng 1):

Ba tiêu chí trên đây đều có vai trò quan trọng như nhau trong đánh giá kĩ năng LVHT. Vì vậy, chúng tôi đề xuất việc đánh giá kĩ năng LVHT dựa trên sự tích hợp của 3 tiêu chí này theo nguyên tắc sau:

- Nếu trong kĩ năng LVHT có cả 3 tiêu chí cùng ở một mức nào đó thì kĩ năng LVHT được đánh giá ở mức đó.

- Nếu kĩ năng LVHT có 2 tiêu chí cùng ở một mức nào đó và tiêu chí còn lại ở mức liền kề thì kĩ năng LVHT được đánh giá ở mức của hai tiêu chí có cùng mức.

- Nếu kĩ năng LVHT có 2 tiêu chí ở mức nào đó và tiêu chí còn lại ở mức thấp hơn hoặc cao hơn mức liền kề thì kĩ năng LVHT được đánh giá ở mức liền kề.

- Nếu 3 tiêu chí của kĩ năng LVHT ở 3 mức khác nhau thì kĩ năng LVHT được đánh giá ở mức độ trung bình.

Việc phân chia mức độ sẽ là cơ sở để giáo viên, các nhà trường và chính HS, SV xây dựng kế hoạch phát triển các kĩ

năng LVHT của mình, qua đó sẽ nâng cao được chất lượng giáo dục toàn diện cho HS,SV.

3. Kết luận

Giáo dục, hình thành và phát triển kĩ năng LVHT cho HS, SV trong bối cảnh hiện nay là rất quan trọng và cần thiết, không chỉ ở mặt lí luận mà còn triển khai trong thực tiễn. Vì vậy, các nhà hoạch định giáo dục, các nhà trường cần quan tâm tạo những điều kiện thuận lợi để hoàn thiện kĩ năng LVHT cho HS,SV. Việc triển khai các hoạt động dạy học hướng đến phát triển kĩ năng LVHT cho HS, SV có những đặc thù riêng, phụ thuộc vào nội dung, yêu cầu học tập, vào đặc điểm của người học, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Chính vì vậy, giáo viên phải tùy vào điều kiện cụ thể để tạo ra môi trường hợp tác cho HS, SV hoạt động. Có kĩ năng LVHT không chỉ giúp HS, SV hiểu và lĩnh hội kiến thức một cách vững chắc, sáng tạo mà bên cạnh đó còn hình thành cho HS, SV hành vi, thái độ, tinh thần tích cực trong học tập cũng như rèn luyện, qua đó góp phần hình thành một thế hệ trẻ có phẩm chất và năng lực hợp tác, đáp ứng được những yêu cầu mới trong xã hội hiện nay.

Bảng 1: Mức độ kĩ năng làm việc hợp tác

Tiêu chí	Mức độ	Biểu hiện
Tính đúng đắn	Mức độ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Có tri thức toàn diện về đối tượng hợp tác. - Làm đúng quy trình, kĩ thuật, có biểu tượng đúng về các kĩ năng thành phần..., không có sai sót. - Biết sử dụng đúng quy trình, thao tác thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở LVHT. - Thực hiện được tất cả kĩ năng thành phần, bỏ sót hoặc bị hạn chế rất không đáng kể.
	Mức độ trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Có tri thức cơ bản về đối tượng hợp tác. - Hiểu tương đối đúng về các nội dung, quy trình khi LVHT nhưng thực hiện còn sai sót đáng kể. - Thực hiện được đa số các kĩ năng thành phần, song chưa có hiệu quả cao hoặc không thực hiện 1-2 kĩ năng nào đó.
	Mức độ thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Tri thức về đối tượng hợp tác ở mức thấp. - Tính đúng đắn bị hạn chế, chưa hiểu biết đầy đủ nhiệm vụ, quy trình hành động, thực hiện các hành động còn mò mẫm, mắc nhiều sai sót. - Đã thực hiện các kĩ năng thành phần nhưng còn thiếu nhiều, có những nội dung sai hoặc không phù hợp.
Tính thành thạo	Mức độ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác hành động trôi chảy, không lúng túng, vụng về khi vận dụng giải quyết nhiệm vụ với thành viên khác hay trước cả nhóm. - Thực hiện được các kĩ năng thành phần, đáp ứng mục đích và điều kiện của hoạt động hợp tác.
	Mức độ trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo trong các thao tác riêng lẻ, sự kết hợp hệ thống các thao tác còn lúng túng và đơn giản, chưa thật hợp lí trong các điều kiện hoạt động mới lạ, phức tạp, vẫn mắc lỗi.
	Mức độ thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hành động lúng túng, nhiều sai sót, phải làm lại mới thực hiện được theo yêu cầu.
Tính linh hoạt	Mức độ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các nội dung kĩ năng của hành động một cách ổn định và vận dụng chúng một cách linh hoạt các kĩ năng hành động vào điều kiện khác nhau của hoạt động hợp tác.
	Mức độ trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các kĩ năng hành động một cách ổn định nhưng sang điều kiện mới thì gặp khó khăn, cần sự giúp đỡ. - Tính sáng tạo còn hạn chế.
	Mức độ thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa vận dụng được các kĩ năng thành phần vào các điều kiện khác nhau, cần hướng dẫn cụ thể mới thực hiện được trong điều kiện mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương, (2013), *Nghị quyết số 29/NQ-TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2] Crucheski, V.A. , (1981), *Những cơ sở của tâm lí học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Platônốp, Golubep K. K., (1977), *Tâm lí học*, Maxcova.
- [4] *Từ điển bách khoa Việt Nam*, (1995), Tập 1, Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Vũ Dũng, (2000), *Từ điển tâm lí học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] Phạm Minh Hạc, (2002), *Tuyển tập Tâm lí học*, NXB Giáo dục.
- [7] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), (2007), *Tâm lí học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] David W. Johnson, Roger T. Johnson, and Karl A. Smith, (2013), *Cooperative Learning: Improving University Instruction By Basing Practice On Validated Theory*, University of Minnesota.

SOME BASIC ISSUES OF COLLABORATIVE WORKING SKILLS

Nguyen Trung Kien

Nam Dinh College of Education
813 Truong Chinh, Nam Dinh city,
Nam Dinh province, Vietnam
Email: trungkien.scl@gmail.com

ABSTRACT: *Collaborative working skills are one of the important skills in the present era, helping each person to integrate into the social community, to progress and succeed in their lives and their future careers, as well as to contribute to creating the synergy for the whole society. This article refers to the most basic issues of the collaborative working skills, such as concepts, characteristics, structures, mechanisms of formation, and levels; thereby helping teachers to apply in teaching towards developing collaborative working skills to meet the requirements of teaching activities based on competence development nowadays.*

KEYWORDS: Collaboration; collaborative skills; collaborative working; collaborative working skills.